



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Trường
2. Địa chỉ: Tổ 3, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Minh Chứng - Địa chỉ: xóm 9, thôn Ngọc Niên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Ngọc Ký - Địa chỉ: xóm 10, thôn Tiền Phong, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản $2^{\circ} - 8^{\circ}\text{C}$ (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 07/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 07/8/2025 đến 25/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	9,0	9,0	9,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,67	7,69	7,74	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,60	0,80	1,60	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,71	0,60	0,28	Đạt
6	Pêrmanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,887	0,888	0,911	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,83	6,90	6,98	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	82,0	82,0	83,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,38	8,75	8,75	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	75,0	77,0	78,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Trường
2. Địa chỉ: Tổ 3, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Minh Chứng - Địa chỉ: xóm 9, thôn Ngọc Niên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Ngọc Ký - Địa chỉ: xóm 10, thôn Tiền Phong, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 07/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 07/8/2025 đến 09/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm





**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Tổ dân phố Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của chi nhánh cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trịnh Văn Ngữ - Địa chỉ: xóm Xuân Hoàn, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Lê Văn Du - Địa chỉ: xóm Tiến Thọ, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Cao Văn Đạt - Địa chỉ: xóm 6, xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 05/8/2025 đến 25/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,41	7,46	7,52	7,55	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,56	0,59	0,74	1,06	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,70	0,49	0,51	0,40	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,511	0,681	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B									
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,806	0,827	0,829	0,845	Đạt
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,63	6,67	6,79	7,02	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	85,0	85,0	86,0	86,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,38	8,38	8,75	8,75	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,246	0,262	0,264	0,272	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	75,0	76,0	78,0	79,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
2. Địa chỉ: TDP Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trịnh Văn Ngữ - Địa chỉ: xóm Xuân Hoàn, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Lê Văn Du - Địa chỉ: xóm Tiến Thọ, xã Giao Phúc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Cao Văn Đạt - Địa chỉ: xóm 6, xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 05/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
7. Thời gian thử nghiệm: 05/8/2025 đến 07/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hằng
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
2. **Địa chỉ:** Xóm 4, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đinh Văn Đường - Địa chỉ: xóm 3, Xuân Tân, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đặng Thị Tám - Địa chỉ: xóm 4, Xuân Đài, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
7. **Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 25/8/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,25	7,33	7,34	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,33	0,56	0,70	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,61	0,48	0,37	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,681	0,681	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,09	1,12	1,20	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	11,9	12,3	12,5	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	88,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,6	10,6	10,9	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,271	0,273	0,283	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	83,0	86,0	88,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân
2. Địa chỉ: xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đinh Văn Đường - Địa chỉ: xóm 3, Xuân Tân, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đặng Thị Tám - Địa chỉ: xóm 4, Xuân Đài, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.
5. Ngày lấy mẫu: 07/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 07/8/2025 đến 09/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Số/No: 04



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Tuất - Địa chỉ: thôn Nam Tây, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Tô Thị Luyệt - Địa chỉ: Thôn Tân Trọng, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản $2^{\circ} - 8^{\circ}\text{C}$ (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 06/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 06/8/2025 đến 25/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,30	7,33	7,39	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,28	0,36	0,37	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,70	0,42	0,29	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
7	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,962	0,968	1,00	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	7,02	7,18	7,38	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	83,0	83,0	84,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,11	9,11	9,11	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,235	0,242	0,247	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	76,0	77,0	79,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa An
2. Địa chỉ: Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Tuất - Địa chỉ: thôn Nam Tây, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Tô Thị Lượ - Địa chỉ: Thôn Tân Trọng, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.
5. Ngày lấy mẫu: 06/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga
7. Thời gian thử nghiệm: 06/8/2025 đến 08/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Hùng - Địa chỉ: thôn Phượng, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thị Hương - Địa chỉ: thôn Rót, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 25/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,00	7,07	7,15	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,40	0,45	0,58	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,64	0,58	0,45	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,03	1,07	1,12	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,59	6,75	6,90	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	83,0	83,0	84,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,11	9,11	9,48	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	74,0	76,0	78,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
2. **Địa chỉ:** Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Hùng - Địa chỉ: thôn Phượng, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Hương - Địa chỉ: thôn Rót, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. **Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
7. **Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 09/8/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Duy Hiền - Địa chỉ: phố Đoài, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Út - Địa chỉ: phố 1, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 25/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,54	7,57	7,60	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,48	0,54	0,58	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,57	0,55	0,53	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,851	0,851	1,02	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	< 0,11	< 0,11	< 0,11	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,03	1,07	1,11	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	9,54	9,90	10,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	86,0	86,0	86,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,84	9,84	9,84	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	77,0	79,0	81,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- 1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- 3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- 4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- 5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
- 6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Duy Hiền - Địa chỉ: phố Đoài, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thị Út - Địa chỉ: phố 1, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 09/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quý Nhất
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 9, xã Quý Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Phụng - Địa chỉ: tổ dân phố 5, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Duy Hưng - Địa chỉ: xóm 1, Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 25/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	14,0	14,0	14,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,78	7,82	7,88	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,28	0,76	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,90	0,44	0,29	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,02	1,02	1,19	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	< 0,11	< 0,11	< 0,11	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,06	1,10	1,13	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,87	7,06	7,18	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	83,0	83,0	83,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,75	9,11	9,48	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,230	0,236	0,239	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	72,0	74,0	75,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Quỹ Nhất
2. Địa chỉ: TDP 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Phụng - Địa chỉ: tổ dân phố 5, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Duy Hưng - Địa chỉ: xóm 1, Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 07/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
7. Thời gian thử nghiệm: 07/8/2025 đến 09/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Định
2. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Hàng Hải - Địa chỉ: Tổ dân phố 1, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thế Đôn - Địa chỉ: Khu đô thị Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 04/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
7. Thời gian thử nghiệm: 04/8/2025 đến 25/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,71	7,74	7,76	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,25	0,27	0,30	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,57	0,54	0,49	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,511	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	< 0,11	< 0,11	< 0,11	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,841	0,893	0,937	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	9,07	9,23	9,31	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	122,0	122,0	123,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	14,2	14,2	14,2	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,267	0,280	0,282	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	183,0	184,0	187,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TDP 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Hàng Hải - Địa chỉ: Tổ dân phố 1, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thế Đôn - Địa chỉ: Khu đô thị Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*
- Ngày lấy mẫu:** 04/8/2025
 - Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
 - Thời gian thử nghiệm:** 04/8/2025 đến 07/8/2025
 - Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:

Trần Văn Chúc - Địa chỉ: xóm 4, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:

Phạm Văn Chuân - Địa chỉ: xóm 1, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 04/8/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải

7. Thời gian thử nghiệm: 04/8/2025 đến 25/8/2025

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	7,0	7,0	7,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,82	7,84	7,85	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,20	0,23	0,25	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	0,0003< LOQ (0,0010)	0,0004< LOQ (0,0010)	0,0003< LOQ (0,0010)	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,47	0,22	0,20	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,511	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	< 0,11	< 0,11	< 0,11	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,946	0,947	0,975	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	92,0	92,0	92,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	25,2	25,2	25,2	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,445	0,450	0,453	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	188,0	189,0	193,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Chúc - Địa chỉ: xóm 4, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Chuân - Địa chỉ: xóm 1, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 04/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 04/8/2025 đến 07/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
2. **Địa chỉ:** Thôn Trung Phú, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Phúc Hậu - Địa chỉ: Thôn Hải Chính, xã Hiên Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Đắc Bình - Địa chỉ: Thôn Bát Di 1, xã Hiên Khánh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
7. **Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 25/8/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,93	7,94	7,99	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,30	0,42	0,65	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,69	0,46	0,24	Đạt
6	Pêrmanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,762	0,796	0,805	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,87	7,22	7,38	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	82,0	82,0	83,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,75	8,75	8,75	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	75,0	76,0	79,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Liên Bảo
2. Địa chỉ: thôn Trung Phu, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Phúc Hậu - Địa chỉ: Thôn Hải Chính, xã Hiên Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Đắc Bình - Địa chỉ: Thôn Bát Di 1, xã Hiên Khánh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 07/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga
7. Thời gian thử nghiệm: 07/8/2025 đến 09/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
2. **Địa chỉ:** Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Văn Thăng - Địa chỉ: TDP Thịnh Mỹ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Thế Đông - Địa chỉ: TDP Lê Xá, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 06/8/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
7. **Thời gian thử nghiệm:** 06/8/2025 đến 25/8/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,82	7,85	7,87	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,47	0,51	0,71	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,74	0,25	0,20	Đạt
6	Pêrmanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,511	0,511	0,511	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,851	0,869	0,909	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,33	5,49	5,65	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	84,0	84,0	84,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,75	8,75	8,75	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	73,0	75,0	77,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
2. **Địa chỉ:** thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Văn Thăng - Địa chỉ: TDP Thịnh Mỹ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Thế Đông - Địa chỉ: TDP Lê Xá, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.
5. **Ngày lấy mẫu:** 06/8/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
7. **Thời gian thử nghiệm:** 06/8/2025 đến 08/8/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN


Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC


**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
 3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
 4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.
- Trang 1/1

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Số/No: 12

1. **Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Lộc

2. **Địa chỉ:** Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình

3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Đán - Địa chỉ: thôn Thị Tứ, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Văn Thăng - Địa chỉ: thôn Ngư Nghiệp, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 05/8/2025

6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang

7. **Thời gian thử nghiệm:** 05/8/2025 đến 25/8/2025

8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,34	7,38	7,39	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,80	0,85	0,91	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,53	0,48	0,42	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,851	0,851	0,851	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,946	0,968	1,01	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,67	6,83	7,34	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	86,0	86,0	87,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,38	8,75	8,57	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,242	0,246	0,277	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	77,0	78,0	78,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC,
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Dân - Địa chỉ: thôn Thị Tứ, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Thắng - Địa chỉ: thôn Ngư Nghiệp, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 05/8/2025 đến 07/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Quang

2. Địa chỉ: Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Thị Thùy Linh - Địa chỉ: thôn Cuối, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Mai Xuân Phương - Địa chỉ: thôn Mễ Thượng, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 05/8/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang

7. Thời gian thử nghiệm: 05/8/2025 đến 25/8/2025

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	10,0	10,0	10,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,44	7,46	7,49	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,55	0,61	0,72	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,42	0,38	0,35	Đạt
6	Pêrmanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,53	1,53	1,53	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	< 0,11	< 0,11	< 0,11	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,23	1,27	1,31	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	18,3	18,5	18,6	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	108,0	108,0	108,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	18,6	18,6	18,6	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,260	0,266	0,268	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	111,0	115,0	116,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Quang
2. Địa chỉ: thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Thị Thùy Linh - Địa chỉ: thôn Cuối, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Mai Xuân Phương - Địa chỉ: thôn Mễ Thượng, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 05/8/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
7. Thời gian thử nghiệm: 05/8/2025 đến 07/8/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC

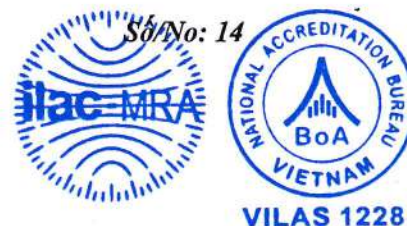


PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Xuyên - Địa chỉ: thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 07/8/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 07/8/2025 đến 25/8/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,24	7,27	7,30	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,21	0,26	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,54	0,50	0,48	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,902	0,906	0,921	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,43	6,55	6,83	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	85,0	85,0	86,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,75	8,75	8,75	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,258	0,260	0,269	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	73,0	75,0	76,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Đại Thắng

2. Địa chỉ: thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Xuyên - Địa chỉ: thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 07/8/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải

7. Thời gian thử nghiệm: 07/8/2025 đến 09/8/2025

8. Kết quả thử nghiệm:

Số/No: 14



VILAS 1228

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thẩm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas

4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.